TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÙ CANG CHẢI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 27- 4- 2018.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Lý A Náng

2. ông Phạm Đức Thịnh

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: ông Lý A Dà - cán bộ Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải tham gia phiên tòa: bà Vừ Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị T sinh năm 1992; trú tại: bản C, xã N, huyện M, tỉnh Y, có mặt.

2. *Bị đơn*: anh Đinh Ngọc Q sinh năm 1986; trú tại: tổ 1, ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh B, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: chị và anh Đinh Ngọc Q chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 3 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Trong quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nên cuộc sống không hòa thuận. Mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng cuộc sống chung vẫn không cải thiện được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Q.

Tại bản tự khai ngày 30- 3- 2018, bị đơn anh Đinh Ngọc Q trình bày: anh và chị Nguyễn Thị T chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 3 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Anh Q thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Do đó, anh Q đồng ý với yêu cầu ly hôn theo nguyện vọng của chị T.

Về con chung và tài sản chung: Các đương sự khai thống nhất tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đảm bảo đúng quy định. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Bị đơn vắng mặt đã có bản tự khai và đề nghị xét xử vắng mặt. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đinh Ngọc Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đinh Ngọc Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Ngọc Q kết hôn có đăng ký ngày 11-3-2010 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Thịnh, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống chị T và anh Q phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Cả chị T và anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp, nhưng hiện tại tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh Q.

[3] Về con chung và tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T được Tòa án chấp nhận nên chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đinh Ngọc Q.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2013/01200 ngày 21-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mù Cang Chải; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Trung Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Mù Cang Chải;
- Chi cục THADS Mù Cang Chải;
- UBND xã Sơn Thịnh, Văn Chấn, Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.